

AUTOCAD - 207117 - NHÓM 01 - TIẾT 456 - THỨ 3

CAD01- Lớp trưởng: Nguyễn Tấn Hải

G.	MSSV	Họ lót	Tên	Bài Tập					D1 25%	D2 25%	Thi 50%	TK
				1	2	3	4	5				
1	14118025	Lê Quang	Hiền	8	8.5	0	7	0	4.7	8	3	4.7
	14118001	Bùi Văn	An	6	8	6	6	6	6.4	7	7.5	7.1
	14118120	Nguyễn Minh	Cương	5	7	9	6.5	6	6.7	7	3	4.9
	14118214	Nguyễn Xuân	Phát	7	8	0	7	0	4.4	7	2.5	4.1
	14118210	Nguyễn Minh	Nhật	0	8	6	7	0	4.2	7	3	4.3
2	14153013	Nguyễn Sơn	Hà	7	8	8	7	0	6	9	3	5.3
	14153075	Đỗ Minh	Đế	7	8	8	7	5	7	8	7.5	7.5
	14153003	Nguyễn Chí	Bảo	8.5	8	7	7	0	6.1	8	7	7
	14153096	Huỳnh Duy	Khánh	6	8	8	7	0	5.8	8	7.5	7.2
	14153038	Lưu Thế	Nhân	7	8	8	7	0	6	8	7	7
3	14118074	Phạm Đình	Tiến	7	8	8	8	8	7.8	7	7	7.2
	14118181	Phạm Duy	Khanh	5	8	8	9	0	6	6	5	5.5
	14118149	Hà Văn	Giao	0	8	8	5	7	5.6	6	6.5	6.2
	14118222	Nguyễn Thành	Phương	x-1		Không su			v	6	v	v
	14118061	Lê Tiến	Tài	0	1	8	7	8	4.8	6	6.5	6
4	14153124	Hà Duy	Thái	7	8	8	0	7	6	8	7	7
	14153102	Hồ Bảo	Lộc	7	8	8	0	6	5.8	7	5.5	6
	14153123	Đỗ Hồng	Thái	6	7	9	8.5	7	7.5	7	7.5	7.4
	13154015	Nguyễn Tấn	Hải	0	8	7	7	4	5.2	7	6.5	6.6
	14153080	Lê Khoa	Hậu	1	8	4	4	0	3.4	7	3	4.1
5	14153052	Phan Minh	Thuận	9	9	9	9	8	8.8	8.5	8.5	8.6
	14153067	Nguyễn Khắc	Bồng	7	8	8	8	7	7.6	7.5	7	7.3
	14153065	Lê Ngọc	Ân	7	8	8	7	7	7.4	7.5	7.5	7.5
	14153028	Bùi Vũ	Luân	8	8	8	7	7	7.6	7.5	7	7.3
	14153059	Phạm Ngọc	Tuyền	8	8	8	7	7	7.6	7.5	6.5	7
6	14153034	Chê Thành	Nghi	6	8	8	5	0	5.4	8.5	6.5	6.7
	14153022	Trần Tuấn	Kiệt	7	8	6	0	8	5.8	7.5	3	4.8
	14153109	Nguyễn Hiệp Duy	Nhất	7	8	8	0	0	4.6	7.5	5	5.5
	14153019	Cao Bá	Kế	5	5	7	7	0	4.8	7.5	2.5	4.3
	14153023	Đinh Thiện Duy	Lam	8	7	7	0	0	4.4	7.5	6	6
7	14153104	Phan Thanh	Nam	8	8	8	7	7	7.6	8	8	7.9
	14153004	Nguyễn Thanh Hu	Bảo	7	7	7	0	0	4.2	7	6	5.8
	14153024	Ngô Tường	Lâm	7	8	8	0	0	4.6	7	5	5.4
	14153062	Trịnh Thành	Việt	8	8	8	7	0	6.2	7	3	4.8
8	13118332	Lê Quốc	Tuấn	8	8	8	8	7	7.8	4.5	7.5	6.8
	13118097	Nguyễn Hoàng	Duy	8	8	8	0	6	6	4	6.5	5.8
	14118189	Nguyễn Tuấn	Kiệt	8	8	8	8	8	8	4	6.5	6.3
	14118315	Trần Bá	Vương	8	8	8	8	6	7.6	4	6	5.9

AUTOCAD - 207117 - NHÓM 01 - TIẾT 456 - THỨ 3

CAD01- Lớp trưởng: Nguyễn Tấn Hải

G.	MSSV	Họ lót	Tên	Bài Tập					D1 25%	D2 25%	Thi 50%	TK
				1	2	3	4	5				
9	14153021	Mai Thế	Kiệt	9.5	9.5	9.5	9.5	9	9.4	8.5	9.5	9.2
	14153027	Nguyễn Phan	Lợi	8	8	8	0	8	6.4	7.5	4	5.5
	14153068	Nguyễn Hoàng An	Chiến	8	8	8	6	0	6	7.5	6.5	6.6
	14153014	Hồ Đức	Hải	7	7	7	7	0	5.6	7.5	2	4.3
10	14153031	Lê Nhật	Nam	8	8	8	8	8	8	8.5	7	7.6
	14138026	Nguyễn Thanh	Quang	8	6	5	7	7	6.6	7.5	5.5	6.3
	14153029	Hàng	Lực	7	7	7	8	7	7.2	7.5	2	4.7
	14153058	Nguyễn Văn	Tuấn	8	7	8	8	8	7.8	7.5	7	7.3
11	14153036	Phan Trọng	Nghĩa	0	7	8	8	7	6	7.5	5.5	6.1
	14153107	Đinh Như	Nhân	8	8	8	8	7	7.8	6.5	5	6.1
	14153140	Nguyễn Mạnh	Tuấn	8	8	8	8	7	7.8	6.5	7.5	7.3
	14118249	Phạm Châu	Thanh						v	6.5		v
12	14153001	Nguyễn Tuấn	Anh	8	8	8	7	7	7.6	9	7	7.7
	14153030	Trần Lộc	Minh	6	6	6	0	0	3.6	8	2	3.9
	14153015	Đặng Đình	Hiệp	7	8	8	7	7	7.4	8	6.5	7.1
	14153054	Đinh Ngọc	Trân	0	8	8	7	7	6	8	3	5
	14118236	Nguyễn Văn	Sang	6	8	8	8	6	7.2	8	6.5	7.1
KB	14153071	Thái Anh	Dũng	7	7	0	v		4.7	v	v	v
	13154018	Hồ Thanh	Hết		xTV				v			v
	14153094	Hứa Tiến	Hưng	x	x	x	x		v	v	v	v
	14153033	Nguyễn Sĩ Đại	Ngà		x	x2			v			v
	14153046	Hồ Vĩnh	Quý		xduo	5h18			v			v

Ghi chú:

D1 - (Điểm bài tập) = trung bình điểm Bài tập 1 đến bài tập 5- 25%

D2 - Điểm bài tập lớn - 25%

Thi - Điểm thi 50%

Điểm kết thúc môn = D1*25% + D2*25% + Thi*50%

Các thắc mắc điểm vui lòng phản hồi qua Fanpage hoặc email.

Không nhận phản hồi bằng hình thức khác

Điểm 0 được tô màu là các bài copy với nhau